

KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ CÔNG HIỆN NAY

1. Quan điểm sử dụng vốn

Chủ trương, chính sách huy động, sử dụng nguồn lực nói chung, nguồn vốn nói riêng trong suốt quá trình xây dựng, phát triển đất nước từ Đại hội VI đến nay là minh chứng thể hiện bước tiến dài trong đổi mới tư duy lý luận về một lĩnh vực then chốt của sự phát triển. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài”. Do đó, để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả trong thời gian tới gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thực hiện các đột phá ưu tiên trong quá trình chuyển đổi không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi nền kinh tế với cách thức hoạt động dựa trên “đồng tiền dễ dãi” trong một thời gian dài đã làm suy giảm động lực nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, trong khi lực cản từ nhóm lợi ích đối với quá trình này còn hữu hiệu. Như vậy, trong thời gian tới Đảng và Nhà nước ta xác định:

- Nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định đối với phát triển, do đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn trong nước kết hợp với nguồn vốn nước ngoài có vai trò quan trọng nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp trong phát triển kinh tế.

- Sử dụng nguồn vốn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý, trước hết là phục vụ cho tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt trong việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước, hệ thống ngân hàng, tổ chức phân vùng lãnh thổ...

- Phân bổ sử dụng nguồn vốn theo cơ chế thị trường dựa trên quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật tỷ suất lợi nhuận..., đưa nguồn vốn tới nơi hoạt động có hiệu quả. Đồng thời triển khai thực hiện quá trình phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch của nhà nước nhằm thực hiện quản lý theo mục tiêu.

- Cân đối phát triển nguồn vốn phục vụ cho phát triển kinh tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội, nâng cao mức sống của dân cư.

Tuy nhiên, thực trạng mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong những năm qua dựa nhiều vào tăng vốn đầu tư mà phần lớn là từ ngân sách nhà nước,

từ các tập đoàn, tổng công ty nhà nước. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2014 đạt 1.220,7 nghìn tỉ đồng, bằng 31% GDP. Trong đó, vốn của khu vực ngoài Nhà nước đạt 468,5 nghìn tỉ đồng, chiếm 38,4%; vốn của khu vực có đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 264,4 nghìn tỉ đồng, chiếm 21,7%. Năm 2015, tiếp tục thực hiện Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế trong đó có tái cơ cấu đầu tư đi đôi với tiếp tục giảm dần đầu tư công, giảm tỷ trọng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước, hoàn thiện thể chế về đầu tư nhằm huy động mạnh mẽ các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển. Theo đó, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 1.367,2 nghìn tỉ đồng, bằng 32% GDP; vốn ở khu vực Nhà nước đạt 519,5 nghìn tỉ, chiếm 38%; vốn ở khu vực ngoài Nhà nước đạt 529,6 nghìn tỉ, chiếm 38,7%; vốn ở khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 318,1 tỉ đồng, chiếm 23,3%.

Tốc độ phát triển vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 2013-2015

Đơn vị tính: %

Năm 2015	Năm 2014	Năm 2013	
112	111,5	108,4	Tổng số
106,7	110,2	108,7	Khu vực Nhà nước
113	113,6	107,1	Khu vực ngoài Nhà nước
119,9	110,5	109,9	Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015.

2. Giải pháp sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công ở Việt Nam

- Tạo môi trường thu hút và khuyến khích đầu tư

Sự ổn định về kinh tế, chính trị, xã hội là yêu cầu trước hết để các nhà kinh doanh yên tâm bỏ vốn đầu tư, có thể dự kiến và thực thi những dự án đầu tư dài hạn, giảm bớt rủi ro trong quá trình đầu tư.

Hiện nay ở Việt Nam, môi trường đầu tư vẫn bấp bênh, nhiều rủi ro, tình trạng hình sự hóa các quan hệ kinh tế vẫn nặng nề, do vậy các doanh nghiệp và dân cư vẫn chưa yên tâm bỏ vốn đầu tư. Môi trường đầu tư còn chứa đựng nhiều

rủi ro, thể hiện ở: chính sách ban hành chưa đồng bộ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn ở mức thấp, ngân hàng chưa tin tưởng vào các doanh nghiệp đã làm hạn chế đến khả năng mở rộng quy mô ngân hàng cũng có nghĩa là hạn chế khả năng huy động vốn. Những chính sách, luật pháp để kiểm soát chi phí sản xuất xã hội còn chưa đầy đủ dẫn đến tình trạng trốn lậu thuế trong kinh doanh, chưa chấp hành đầy đủ chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo thống kê... dẫn đến tình trạng kinh doanh không bình đẳng, không khuyến khích được người dân bỏ vốn đầu tư.

Môi trường đầu tư là hệ thống luật pháp và chính sách của Nhà nước bảo đảm cho những người có năng lực kinh doanh tự bỏ vốn hoặc có khả năng huy động vốn được tự do hoạt động kinh doanh phù hợp với những tiêu chuẩn mà luật pháp quy định.

- *Nâng cao hiệu quả của đầu tư công gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế*

+ Hoạch định đầu tư công gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

Đổi mới cơ chế quản lý đầu tư công được thể hiện thông qua Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15-10-2011 có tác động: Bước đầu khắc phục đầu tư dàn trải; ngăn ngừa không làm tăng nợ đọng xây dựng cơ bản kể từ năm 2012; giúp lập bố trí vốn từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ theo kế hoạch đầu tư 3 năm (2013-2015) cho phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian tới, đổi mới đầu tư công phải được thiết kế gắn bó với đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế, đề án tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp nhà nước và đề án tái cơ cấu thị trường tài chính.

+ **Đổi mới đầu tư công theo hình thức đối tác công - tư nhằm huy động đầu tư của khu vực ngoài nhà nước.** Để thực hiện được phải xây dựng được khuôn khổ pháp lý về lĩnh vực này, đồng thời phải bảo đảm được lợi ích của các đối tác tư nhân.

+ Giám sát quản lý đầu tư công hiệu quả thông qua việc ban hành đồng bộ khung pháp lý về giám sát đầu tư công, cụ thể là luật đầu tư công, luật quản lý và sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước trong sản xuất kinh doanh...

+ Phân bổ và lựa chọn hướng ưu tiên chi cho đầu tư phát triển một cách hợp lý.

- *Phát triển thị trường tài chính, thực hiện phân bổ nguồn vốn đầu tư theo nguyên tắc thị trường*

Thị trường tài chính giúp huy động vốn và chuyển vốn đến các nhà đầu tư, qua đó các nguồn vốn được phân bổ theo nguyên tắc thị trường.

Việc di chuyển vốn trong nền kinh tế được thực hiện thông qua hai kênh với việc sử dụng những công cụ tài chính khác nhau.

+ Kênh dẫn vốn gián tiếp được thực hiện thông qua các trung gian tài chính (hệ thống ngân hàng, các quỹ tín dụng, các công ty bảo hiểm, các công ty tài chính...).

+ Kênh dẫn vốn trực tiếp thông qua thị trường chứng khoán.

Trong nền kinh tế thị trường, sự vận hành của cả hai kênh dẫn vốn này sẽ bổ sung cho nhau, tạo điều kiện để huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn vốn này có hiệu quả theo nguyên tắc thị trường. Trong điều kiện nước ta hiện nay, thị trường tài chính còn phải tiếp tục hoàn thiện, chuyển đổi cho phù hợp với cơ chế thị trường có tính đến sự phát triển trong tương lai và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Tái cơ cấu thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính, cần đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường tiền tệ, đặc biệt là thị trường vàng và ngoại tệ, khắc phục tình trạng đòla hoá; kiểm soát chặt chẽ nợ công, nợ xấu của doanh nghiệp nhà nước, vay trả nợ nước ngoài, các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nhất là đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, thị trường chứng khoán và các nguồn vốn nóng khác; từng bước giảm tỷ lệ cung cấp vốn cho đầu tư phát triển từ hệ thống ngân hàng thương mại; nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ ngân hàng. Cấu trúc lại hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính theo hướng sáp nhập, hợp nhất các ngân hàng thương mại, các tổ chức tài chính nhỏ để có số lượng phù hợp các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có quy mô và uy tín, hoạt động lành mạnh, bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống.

- Xây dựng chính sách vay nợ và quản lý nợ hợp lý

Việc Chính phủ vay nợ để bù đắp cho bội chi ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp vay nợ để bù đắp cho sự thiếu hụt về vốn là một biện pháp cần thiết. Song nếu nguồn vốn này không được quản lý một cách chặt chẽ từ khâu đi vay, sử dụng có thể làm tăng gánh nặng nợ, đặc biệt là nợ nước ngoài. Nợ nước ngoài có thể dẫn đến làm giảm khả năng tiêu dùng của quốc gia và phụ thuộc nhiều hơn vào nước ngoài.

Nhà nước phải xây dựng hạn mức nợ, hạn mức nợ nước ngoài của quốc gia phù hợp với tiêu chuẩn an toàn được quốc tế thừa nhận và gắn với hệ thống các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô lành mạnh.

Thiết lập cơ chế giám sát tài chính, tiền tệ nhằm bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn nước ngoài, đặc biệt là các nguồn vốn ngắn hạn.

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng phụ thuộc rất nhiều vào vốn đầu tư, nhưng quản lý và sử dụng còn kém hiệu quả. Để khắc phục tình trạng này đòi hỏi phải có giải pháp phù hợp để kiểm soát được nguồn vốn, sử dụng nguồn vốn đầu tư hợp lý để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.



TTBD ĐBDC